TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2025/HS-ST
Ngày: 28 - 9 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Nhân
Bà Phạm Thu Hà

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2025 tại phòng xử án số 1, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2025/TLST- HS ngày 05 tháng 9 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2025/QĐXXST-HS ngày 15/9/2025 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thu T (tên gọi khác: không); sinh ngày 29 tháng 9 năm 1991, tại tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ E, khu C, phường V, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn D và bà Hoàng Thanh T1 (đều đã chết); có chồng (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 18/4/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt.

2. Nguyễn Văn T2 (tên gọi khác: không); sinh ngày 07 tháng 7 năm 1994 tại tỉnh Bắc Giang; nơi thường trú: thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã L, tỉnh Bắc Ninh); chỗ ở: tổ E, khu C, phường V, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị C; có vợ (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 18/4/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt.

3. Nguyễn Hoàng S (tên gọi khác: không); sinh ngày 06 tháng 9 năm 2001, tại tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên; nơi ở trước khi bị bắt: tổ E, khu C, phường V, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn T4 và bà Nguyễn Thị T5; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 18/4/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Phạm Thùy D1, sinh năm 1994; nơi cư trú: khu B, xã B, Quảng Ninh, có mặt.

+ Anh Hoàng Minh Đ; sinh năm 1984; Địa chỉ: khu B, xã B, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

+ Anh Hoàng Minh T6; sinh năm 1974; Địa chỉ: tổ E, khu C, phường V, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

+ Công ty TNHH N; Đia chỉ: thôn V, khu Đ, xã T, huyện Đ (nay là xã Đ), thành phố Hà Nội, vắng mặt.

+ Công ty TNHH MTV C1 (Chi nhánh T9); Địa chỉ: số I, đường B, phường H (thành phố T cũ), tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Bàn Sinh T7; Ông Vũ Trọng T8, Bà Nguyễn Thị K (đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ ngày 15/4/2025, tại nhà riêng của Phạm Thu T tại ngõ B, đường Đ, thuộc tổ E, khu C, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường V, tỉnh Quảng Ninh), tổ công tác của Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Q phối hợp với Công an phường V kiểm tra, phát hiện thu giữ tại khu vực sân sau bếp và trong cốp xe ô tô nhãn hiệu Kia Optima biển kiểm soát 14A-409.24 đang đỗ trong sân nhà số vật chứng sau:

Trong ngôi nhà: phát hiện tại khu vực sân sau bếp ăn của ngôi nhà có 06 bao tải dứa chứa bột bên trong ghi nhãn hiệu hạt nêm Arion do Công ty TNHH T10 sản xuất; 4.285 gói thuốc trừ cỏ mang nhãn hiệu BIOGLY88.8SP của Công ty TNHH N; 10.800 vỏ gói thuốc trừ cỏ in nhãn hiệu BIOGLY88.8SP; 20 bao hạt nêm ARION do Công ty TNHH T10 sản xuất trọng lượng 400kg; 01 máy hàn túi nilon bằng nhiệt, 39kg túi nilon đen, 31kg túi nilon chống sốc, 02 vỏ chai nhựa để xúc bột vào túi, 14 bao tải dứa; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, 01 máy in hóa đơn bán hàng Xprinter cùng một số đồ vật khác có liên quan. Tại thời điểm kiểm tra, trong nhà còn có Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Hoàng S.

Tài liệu thu thập trong quá trình điều tra thể hiện:

Tháng 02/2025, do không có việc làm nên Nguyễn Văn T2 và Phạm Thu T nảy sinh ý định làm giả thuốc diệt cỏ để bán thu lợi, T2 và T tìm kiếm trên mạng Internet chọn làm giả loại thuốc diệt cỏ nhãn hiệu BIOGLY88.8SP của Công ty TNHH N (*địa chỉ: thôn V, khu Đ, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội*). Để làm giả thuốc diệt cỏ, Nguyễn Văn T2 lên mạng xã hội Facebook đặt mua 10 gói sản phẩm thuốc diệt cỏ nhãn hiệu BIOGLY88.8SP của Công ty TNHH N rồi lấy mẫu vỏ bao bì, học quy cách đóng gói và tìm hiểu thành phần thuốc có trong sản phẩm để làm giả cho giống với sản phẩm chính hãng.

Đối với việc làm giả thuốc diệt cỏ: Sau khi nhận 10 gói thuốc diệt cỏ mua trên mạng xã hội, T2 và T đã bóc ra kiểm tra thì thấy bên trong có chứa các hạt nhỏ màu vàng giống với đặc điểm của gia vị "hạt nêm" được sử dụng để tạo ngọt trong thực phẩm, nên đã thống nhất đi tìm mua hạt nêm rẻ tiền để làm nguyên liệu giả cho thuốc diệt cỏ. Sau đó T2 và T thống nhất tìm mua hạt nêm ARION tại cửa hàng Mỹ Khởi của bà Trần Thị M (*ở số D đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang*) với giá 370.000 đồng/ 01 bao 20kg (trong mỗi bao gồm 4 gói loại 5kg/1 gói, trị giá 62.400.000 đồng, để làm nguyên liệu giả cho thuốc diệt cỏ rồi tập kết về nhà của T ở V.

Để có vỏ bao bì như hàng muốn làm, thông qua hội nhóm "*Sản xuất bao bì*" trên mạng xã hội Facebook, T2 đặt mua của một người không rõ nhân thân lai lịch 80.000 vỏ bao gói với giá 100.000.000 đồng. T2 đã chuyển tiền đặt cọc 20.000.000 đồng trước bằng hình thức chuyển khoản qua cửa hàng điện thoại, khoảng 15 ngày sau, khi hàng được gửi về giao cho T2 tại phường V thì T2 giao nốt tiền cho người giao hàng.

Để thực hiện việc đóng gói các sản phẩm cần có dụng cụ: T2 và T đã đến một cửa hàng tại quận C, Hà Nội để đặt mua máy hàn nhiệt với giá 12.500.000 đồng, ngoài ra hai đối tượng còn mua một số đồ vật phục vụ việc sản xuất hàng giả khác như mua túi nilon, nilon chống sốc hết 15.000.000. Toàn bộ số dụng cụ, nguyên vật liệu, máy móc khi mua về được đặt tại vị trí sân sau phòng bếp ăn của nhà T, một phần nguyên vật liệu là các bao chứa hạt nêm và dụng cụ dùng để đóng hàng thì T2 và T có gửi tại nhà ông T6 là cậu ruột của T.

Để thực hiện công việc T2 thuê Nguyễn Hoàng S (là em họ của T2) đóng gói sản phẩm, trả công 8.000.000 đồng/tháng. Quá trình thực hiện công việc T2 và S là người trực tiếp xúc hạt nêm đổ vào gói, dùng máy hàn nhiệt dán kín mép, tạo thành phẩm Thuốc trừ cỏ giả. Từ khi S đến làm việc T2 và T đã chuyển cho S số tiền 9.000.000 đồng.

Sau khi xản xuất được các gói thuốc diệt cỏ giả trên, T2 và T tạo lập 02 Fanpage trên mạng xã hội Facebook có tên "Trừ Cỏ Lưu Dẫn B" và "Diệt Cỏ Tận Gốc biogly88" để sử dụng làm phương tiện quảng cáo bán thuốc diệt cỏ giả. Đồng thời chi số tiền 134.660.000 đồng để quảng cáo trên phạm vi toàn quốc. Khách hàng xem quảng cáo, nhắn tin trực tiếp với F sẽ nhận được trả lời tự động, sau khi khách hàng

chốt số lượng mua thuốc trừ cỏ thì sẽ tự động liên kết với phần mềm Pancake V2 *(phần mềm theo dõi đơn hàng kết nối với F, mua với giá 3.000.000 đồng*) để nhập dữ liệu và theo dõi đơn hàng, sau đó T in vận đơn chuyển cho T2 và S đóng thành các kiện hàng, dán vận đơn gửi cho khách thông qua đơn vị vận chuyển là Công ty TNHH MTV C1 (J&T Express). T2 và T thống nhất giá bán của 01 gói thuốc diệt cỏ giả là từ 8.000 đồng đến 12.000 đồng/ gói (tùy thuộc vào khách hàng mua sỉ hay lẻ) và nhận tiền theo hình thức ShipCod (khách hàng nhận hàng, thanh toán cho đơn vị vận chuyển, đơn vị vận chuyển trừ chi phí vận chuyển, số tiền còn lại được chuyển trả đến tài khoản ngân hàng số 44410000104129 của Phạm Thu T mở tại Ngân hàng TMCP Đ1 - Chi nhánh Q).

Cơ quan điều tra trích xuất dữ liệu tại Công ty TNHH MTV C1 xác định, từ ngày 21/02/2025 đến ngày 17/4/2025, T2, T, S đã chuyển đến tổng số 1.891 đơn hàng tương ứng với 62.455 gói thuốc diệt cỏ để bán cho các cá nhân tại 59 tỉnh, thành phố trên cả nước, thu về số tiền 552.750.000 đồng (trong đó có 1815 đơn tương đương 60.750 gói đã chuyển đến tay khách hàng, còn 17 đơn (1705) gói chưa chuyển. Sau khi trừ các chi phí đầu tư, số tiền Nguyễn Văn T2 và Phạm Thu T hưởng lợi là 225.190.000 đồng.

Kết quả làm việc với Cục T11 - Bộ N1 và Công ty TNHH N thể hiện: Năm 2007, Công ty N được cấp phép sản xuất, phân phối độc quyền sản phẩm Thuốc trừ cỏ thế hệ mới BIOGLY88.8SP, đăng ký thành phần hoạt chất cấu tạo gồm: Glyphosate ammonia hàm lượng 88,8% và chất trợ lực thảo mộc SPD 11,2%. Công ty N đã không sản xuất sản phẩm này từ tháng 7/2019 và không kinh doanh sản phẩm này từ 30/6/2021 đến nay. Các sản phẩm Cơ quan điều tra thu giữ không phải của Công ty N2, Công ty N không thuê, không ủy quyền, không hợp tác với tổ chức, cá nhân nào khác để sản xuất, gia công đóng gói sản phẩm "*Thuốc trừ cỏ thế hệ mới mang nhãn hiệu BIOGLY88.8SP*".

Kết luận giám định số 906/KL-KTHS ngày 21/4/2025 của Phòng K1 Công an thành phố H kết luận: Các gói thuốc diệt cỏ và các bao bột nguyên liệu không phải là thuốc bảo vệ thực vật chuyên dùng để diệt cỏ, không có thành phần Glyphosate ammonica và chất trợ lực thảo mộc SPD như miêu tả in trên bao gói. Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Ninh kết luận giá trị của 66.740 gói thuốc bảo vệ thực vật giả nhãn hiệu "Thuốc trừ cỏ thế hệ mới BIOGLY88.8SP" là 467.180.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐ ĐGTS ngày 13/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Quảng Ninh kết luận: Giá trị của 66.740 gói thuốc bảo vệ thực vật giả nhãn hiệu "Thuốc trừ cỏ thế hệ mới BIOGLY 88.8SP" tại thời điểm tháng 6/2021 là 467.180.000 đồng.

Quá trình điều tra, Phạm Thu T, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Hoàng S đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung trên.

Gia đình T đã nộp 148.000.000đ (một trăm bốn mươi tám triệu đồng); T2 đã nộp 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền thu lời bất chính để khắc phục hậu quả.

Ngoài ra cơ quan điều tra đã thu giữ 03 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của các bị cáo và thu hồi tổng số 7.185 gói thuốc trừ cỏ giả từ Công ty TNHH MTV C1 và các khách hàng trên cả nước.

Đại diện Công ty TNHH N trình bày: Năm 2007 Công ty có làm hồ sơ đăng ký thuốc bảo vệ thực vật là "Thuốc trừ cỏ thế hệ mới Biogly88.8SP", hoạt chất Glyphosate ammonia hàm lượng 88,8% chất trợ lực thảo mộc SPD 11,2% tại Cục T11 - Bộ N3 để đóng gói, kinh doanh lưu hành sản phẩm. Cùng năm 2007, Cục T11 - Bộ N3 cấp giấy đăng ký thuốc bảo vệ thực vật cho Công ty. Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật, công ty tiến hành sản xuất, đóng gói sản phẩm đến khoảng tháng 7/2019 thì dừng sản xuất sản phẩm này do Bộ N3 ban hành Quyết định số 1186/QĐ-BNN-BVTV ngày 10/4/2019 quy định *"Các chất bảo vệ thực vật chứa Glyphosate không được sản xuất, nhập khẩu; chỉ được buôn bán, sử dụng đến ngày 30/6/2021"* nên sau đó công ty không nhập khẩu nguyên liệu, đối với hàng hóa sản xuất trước khoảng tháng 7/2019 thì công ty TNHH N tiếp tục kinh doanh đến thời điểm 30/6/2021. Đối chiếu với các sản phẩm hàng hóa mà cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đang tạm giữ có đặc điểm vỏ bao bì giống với sản phẩm của Công ty nhưng công ty đã không sản xuất sản phẩm này từ tháng 7/2019 đến nay và không kinh doanh từ năm 2021 đến nay, do đó các sản phẩm này không phải là của Công ty. Công ty không có yêu cầu gì đề nghị các cơ quan tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số: 7375/CT-VKSQN-P3 ngày 03/9/2025 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo: Phạm Thu T, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Hoàng S về tội *"Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật"*, trong đó bị cáo Phạm Thu T, Nguyễn Văn T2 bị truy tố theo quy định tại đểm g, i khoản 2 Điều 195 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Hoàng S bị truy tố theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 195 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: các bị cáo thừa nhận mình bị truy tố, xét xử về tội: "*Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật",* như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, không oan.

Bị cáo Nguyễn Văn T2 và Phạm Thu T đều trình bày: T2 và T là người yêu của nhau, do không có công ăn việc làm nên T2 rủ T cùng đầu tư sản xuất thuốc diệt cỏ giả, sau đó cả hai cùng góp vốn làm ăn, số tiền thu được các bị cáo không chia cụ thể mà sử dụng chung, đến thời điểm bị cơ quan điều tra bắt các bị cáo đã sử dụng hết. Số tiền 148.000.000 đồng do chị Phạm Thùy D1 là em gái của bị cáo T là người nộp để khắc phục hậu quả cho bị cáo T. Ngoài ra bị cáo T2 còn trình bày: quá trình điều tra gia đình bị cáo có đến thăm bị cáo một lần, bị cáo cũng tác động gia đình để

nộp tiền khắc phục hậu quả cho mình nhưng đến nay gia đình nộp hay chưa bị cáo ở trong trại nên không rõ.

Chị Phạm Thùy D1 có mặt tại phiên tòa trình bày: Sau khi T bị bắt giữ có nhắn nhờ chị vay mượn tiền nộp tiền khắc phục hậu quả cho T. Chị không biết chính xác là bao nhiêu nên có vay mượn và nộp 148.000.000 đồng tại cơ quan điều tra để khắc phục cho chị T. Nếu nghĩa vụ của chị T phải nộp cho nhà nước bao nhiêu để khắc phục hậu quả thì chị đồng ý không yêu cầu chị T phải trả lại, nhưng nếu còn thừa thì chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh trình bày bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm g, i khoản 2 Điều 195; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm tù, về tội "Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật". Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2025.

- Căn cứ: điểm g, i khoản 2 Điều 195; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Thu T từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật". Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2025.

- Căn cứ: điểm g khoản 2 Điều 195; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng S 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật". Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, 01 máy in hoá đơn nhãn hiệu Xprinter, 01 máy hàn túi nilon bằng nhiệt, 03 điện thoại Iphone thu giữ của 3 bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy: 9.040 (chín nghìn không trăm bốn mươi) gói thuốc trừ cỏ giả nhãn hiệu BIOGLY88.8SP; 15(mười lăm) bao tải chứa chất bột vón cục cùng vỏ bao, 09 (chín) bao tải dứa màu trắng ghi nhãn hiệu "hạt nêm Arion"; 10.800 (mười nghìn tám trăm) vỏ bao gói in nhãn hiệu thuốc trừ cỏ thế hệ mới; 39(ba mươi chín) kg túi nilon màu đen; 31 (ba mươi mốt) kg túi nilon chống sốc; 02 (hai) vỏ chai nhựa.

Về số tiền thu lợi bất chính: truy thu số tiền 103.595.000 đồng do bị cáo T2 phạm tội mà có; truy thu 9.000.000 đồng do bị cáo S phạm tội mà có; trả lại cho chị Phạm Thùy D1 39.905.000đồng.

Bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Nói lời sau cùng, các bị cáo trình bày: các bị cáo thấy rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ ở mức thấp nhất cho các bị cáo để các bị cáo sớm có cơ hội trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với Bản kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các Kết quả khám nghiệm hiện trường, Kết luận giám định, Kết luận định giá và các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 02/2025 đến tháng 4/2025, tại nhà riêng của Phạm Thu T thuộc tổ E, khu C, phường V, tỉnh Quảng Ninh; Phạm Thu T, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Hoàng S đã có hành vi sản xuất 66.740 gói Thuốc trừ cỏ giả nhãn hiệu "Thuốc trừ cỏ thế hệ mới BIOGLY88.8SP" của Công ty TNHH N, trị giá 467.180.000 đồng nhằm mục đích bán để thu lời bất chính. Phạm Thu T, Nguyễn Văn T2 đã bán được 62.455 gói thuốc trừ cỏ giả cho các khách hàng trên toàn quốc, thu lợi bất chính 225.190.000đ (hai trăm hai mươi lăm triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng).

Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn T2, Phạm Thu T đã cấu thành tội "*Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật*", thuộc trường hợp quy định tại điểm g *"Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;..."* và điểm i *"Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng"* của khoản 2 Điều 195 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của Nguyễn Hoàng S cấu thành tội "*Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật*", quy định tại điểm g khoản 2 Điều 195 Bộ luật Hình sự.

Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Các bị cáo đều là người có nhận thức, có năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ tác hại của việc sản xuất, buôn bán hàng giả sẽ gây hậu quả xấu cho người tiêu dùng và vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo riêng cũng như giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò, nhân thân tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về vai trò: đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo thống nhất với nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội, trong đó: T2 và T cùng nhau bàn bạc, cùng nhau thực hiện, và cùng hưởng lợi chung nên có vai trò đầu vụ, ngang nhau và phải chịu trách nhiệm cao hơn. Nguyễn Hoàng S là người làm thuê, giúp sức cho T2 và T trong quá trình thực hiện hành vi nên có vai trò thấp hơn.

Về nhân thân các bị cáo đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn, khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa xác định làm rõ bị cáo Phạm Thu T đã tác động gia đình nộp toàn bộ số tiền thu lời bất chính, hiện nay hoàn cảnh bị cáo khó khăn (bố mẹ đều mất sớm, là lao động chính trong gia đình) nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo T2 mới nộp 4.500.000 đồng/108.095.000 đồng tiền thu lời bất chính, bị cáo có nghĩa vụ phải nộp lại nên không được áp dụng tình tiết này.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Xét thấy:

Các bị cáo đều phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nên cần áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe của pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt cụ thể đối với từng bị cáo: Trong vụ án này bị cáo T2 và T có vai trò đầu vụ ngang nhau khi thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, tại phiên tòa hai bị cáo đều khai nhận T2 là người tìm hiểu về thuốc diệt cỏ giả trước, sau đó rủ T làm chung, hơn nữa bị cáo T đã tích cực tác động gia đình nộp toàn bộ số tiền thu lời bất chính, ngoài ra bị cáo là mẹ đơn thân còn có hoàn cảnh khó khăn nên xem xét áp dụng mức án phạt thấp hơn bị cáo T2. Bị cáo S phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức không đáng kể nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự áp dụng mức hình phạt dưới khung hình phạt đối với bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật và chính sách nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 195 Bộ luật hình sự, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Tuy nhiên, các bị cáo đều đã bị truy thu số tiền thu lời bất chính, không xác định được tài sản riêng, các bị cáo đều đang bị tạm giam không có khả năng thi hành án, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về số tiền thu lời bất chính:

Quá trình điều tra xác định, sau khi trừ đi các chi phí đầu tư, số tiền Phạm Thu T và Nguyễn Văn T2 thu lợi là 225.190.000 đồng. Đây là tiền thu lợi bất chính nên cần truy thu sung ngân sách Nhà nước theo quy định. Trong đó T2, T đã trả cho S 9.000.000 đồng tiền lương từ số tiền này, nên S có nghĩa vụ nộp lại số tiền 9.000.000 đồng; đối với số tiền còn lại T2 và T không chia mà cùng hưởng và tiêu chung nên mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp lại ½ số tiền thu lợi, cụ thể như sau: T2 và T mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp lại 108.095.000 đồng. Bị cáo T đã nộp đủ, bị cáo T2 đã nộp 4.500.000 đồng còn phải nộp 103.595.000 đồng.

- Về số tiền người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thùy D1 đã nộp thừa: tại phiên tòa chị D1 có quan điểm: số tiền nộp tại cơ quan điều tra là do chị vay mượn để lo cho chị T, chị không yêu cầu chị T phải trả lại nhưng nếu thừa thì chị đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị. Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận đây là tiền của chị D1. Do đó yêu cầu của chị D1 là có căn cứ, nên HĐXX chấp nhận trả lại cho chị D1 số tiền 39.905.000 đồng sau khi trừ đi số tiền bị cáo T có nghĩa vụ phải nộp lại.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với xe ô tô Kia Optima, BKS 14A-409.24, cơ quan điều tra đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe cho chủ sở hữu là ông Hoàng Minh Đ theo quy định nên HĐXX không xem xét.

Đối với các vật chứng khác:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước vật chứng là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội gồm: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell màu bạc; 01 máy in hóa đơn bán hàng màu trắng; 01 máy hàn túi nilon bằng nhiệt; 03 điện thoại di động: 01 điện thoại Iphone trắng thu của Phạm Thu T; 01 điện thoại Iphone nhãn hiệu Iphone màu ghi xám thu của Nguyễn Văn T2; 01 điện thoại Iphone màu trắng thu của Nguyễn Hoàng S.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số vật chứng là công cụ phương tiện, không còn giá trị sử dụng, không sử dụng được gồm: 9.040 (chín nghìn không trăm bốn mươi) gói thuốc trừ cỏ giản nhãn hiệu BIOGLY88.8SP; 15 (mười lăm) bao tải chứa chất bột vón cục cùng vỏ bao, 09 (chín) bao tải dứa màu trắng ghi nhãn hiệu “hạt nêm Arion”; 10.800 (mười nghìn tám trăm) vỏ bao gói in nhãn hiệu thuốc trừ cỏ thế hệ

mới; 39(ba mươi chín) kg túi nilon màu đen; 31 (ba mươi mốt) kg túi nilon chống sốc; 02 (hai) vỏ chai nhựa.

[8] Về các nội dung khác:

- Đối với ông Hoàng Minh T6 là cậu của Phạm Thu T, cho T và T2 để nhờ nguyên liệu làm thuốc diệt cỏ ở cạnh nhà. Quá trình điều tra xác định ông T6 không tham gia vào việc sản xuất hàng giả, không biết mục đích các bị cáo gửi nguyên liệu ở nhà nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với ông Hoàng Minh Đ là chủ sở hữu hợp pháp của xe ô tô nhãn hiệu Kia Optima, BKS 14A-409.24, ông Đ cho T mượn xe nhưng không biết T sử dụng vào việc chở hàng giả nên không đề cập xử lý.

- Đối với các đối tượng T2 liên hệ để đặt in ấn vỏ bao bì thuốc diệt cỏ giả, quá trình điều tra không thu thập được thông tin nên không có căn cứ làm rõ.

- Đối với các khách hàng mua thuốc diệt cỏ, qua xác minh một số trường hợp chỉ mua để sử dụng, không biết là hàng giả, không kinh doanh buôn bán nên không xử lý.

[9] Về án phí: các bị cáo có nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ điểm g, i khoản 2 Điều 195; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn T2 06 (sáu) năm tù, về tội "Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật". Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2025.

- Căn cứ điểm g, i khoản 2 Điều 195; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo Phạm Thu T 05 (năm) năm tù, về tội "Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật". Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2025.

- Căn cứ: điểm g khoản 2 Điều 195; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Hoàng S 04 (bốn) năm tù, về tội "Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật". Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2025.

2. Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Buộc các bị cáo phải nộp số tiền thu lợi bất chính để sung ngân sách nhà nước, cụ thể: Nguyễn Văn T2 và Phạm Thu T mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp 108.095.000đ *(một trăm linh tám triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn đồng)* trong đó:

Số tiền 148.000.000 đồng chị Phạm Thùy D1 đã nộp được trừ vào số tiền Phạm Thu T phải nộp, bị cáo đã nộp đủ. Trả lại chị Phạm Thùy D1 số tiền 39.905.000đ (ba mươi chín triệu, chín trăm linh năm nghìn đồng). (*Theo Giấy nộp tiền số 11555361 ngày 08/7/2025 vào tài khoản Công an tỉnh Q tại KBNN khu vực III phòng nghiệp vụ 2 được trừ vào số tiền Phạm Thu T phải nộp*

Nguyễn Văn T2 đã nộp 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) (theo Giấy nộp tiền số 11555366 ngày 08/7/2025 vào tài khoản Công an tỉnh Q tại KBNN khu vực III phòng nghiệp vụ 2). Bị cáo còn phải nộp 103.595.000đ *(một trăm linh ba triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng).*

Nguyễn Hoàng S có nghĩa vụ nộp 9.000.000đ *(chín triệu đồng).*

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell màu bạc; 01 máy in hóa đơn bán hàng màu trắng, nhãn hiệu Xprinter; 01 máy hàn túi nilon bằng nhiệt nhãn hiệu SF-150 Continuous; 03 điện thoại di động: 01 điện thoại Iphone trắng thu của Phạm Thu T; 01 điện thoại Iphone nhãn hiệu Iphone màu ghi xám thu của Nguyễn Văn T2; 01 điện thoại Iphone màu trắng thu của Nguyễn Hoàng S.

- Tịch thu tiêu hủy: 9.040 (chín nghìn không trăm bốn mươi) gói thuốc trừ cỏ giản nhãn hiệu BIOGLY88.8SP; 15 (mười lăm) bao tải chứa chất bột vón cục cùng vỏ bao; 09 (chín) bao tải dứa màu trắng ghi nhãn hiệu "hạt nêm Arion"; 10.800 (mười nghìn tám trăm) vỏ bao gói in nhãn hiệu thuốc trừ cỏ thế hệ mới mang nhãn hiệu BIOGLY88.8SP; 39 (ba mươi chín) kg túi nilon màu đen; 31 (ba mươi mốt) kg túi nilon chống sốc; 02 (hai) vỏ chai nhựa.

(Tình trạng vật chứng được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng số 17 ngày 25/8/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Q với Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh).

3. Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa: các bị cáo Nguyễn Văn T2, Phạm Thu T, Nguyễn Hoàng S có nghĩa vụ nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa

vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận**:*
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- VKSND Khu vực 1 - Quảng Ninh;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng HS Công an tỉnh Quảng Ninh;
- CQ Cảnh sát điều tra CA T. Quảng Ninh;
- Phòng THAHS CA T. Quảng Ninh;
- TTG Công an tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thủy